

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2023/HSST
Ngày: 19-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Minh Đức

2. Ông Trần Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 131/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **162/2023/QĐXXST-HS** ngày 06 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ T (Tên gọi khác: Không)**, sinh năm 1992, tại Quảng Bình. Giới tính: Nữ. Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Q; chỗ ở trước khi bị bắt: Nhà nghỉ P, phường C, thành phố P, tỉnh G; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Không. Cha: Nguyễn Văn L, sinh năm 1969. Mẹ: Trần Thị P, **sinh năm 1971**.

Bị cáo có 04 anh, chị em ruột. Bị cáo là con thứ 02 trong gia đình .

Bị cáo có chồng là Võ Minh Sơn, sinh năm 1994 (hiện đang ly thân).

Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 25/02/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh B xử phạt 06 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*” (theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009), tại Bản án số 05/2016/HSST; chấp hành án tại Trại Giam An Phước - Bộ Công an. Ngày 17/8/2020 chấp hành xong hình phạt (bản án này đã được xóa án tích).

Bị cáo Nguyễn Thị T bị tạm giữ từ ngày 10/6/2023 đến ngày 19/6/2023, sau đó bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Đặng Nhật L, sinh năm 2001; địa chỉ: 918 L, xã C, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Trần Văn T1, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 10/6/2023, Nguyễn Thị T điều khiển xe mô tô biển số 70K1-170.34 đến tiệm gội đầu của chị Đặng Nhật L ở 29 đường L, phường T, TP.P để gội đầu thì thấy chị L sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro max nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại này của chị L để sử dụng. Sau khi gội đầu xong, T ngồi nói chuyện với chị L, thấy chị L đang xem các hình ảnh mẫu quần áo trên điện thoại, nên T nói với chị L là T làm chủ một cửa hàng bán quần áo ở đường H, cửa hàng có 3 nhân viên, lương nhân viên chính 5.500.000 đồng, lương nhân viên phụ 4.000.000 đồng (nhưng thực tế T không có cửa hàng quần áo nào ở đường H), hiện đang cần nhập thêm mẫu quần áo mới về để bán. Mục đích T nói như vậy để chị L tin tưởng đưa điện thoại cho T. Nghe vậy, chị L đồng ý và đưa điện thoại cho T mượn, sau khi chị L đưa điện thoại cho T, vì muốn biết được mật khẩu điện thoại của chị L, nên T bấm tắt màn hình điện thoại rồi hỏi mật khẩu, thì chị L đọc mật khẩu điện thoại cho T biết, T mở khóa điện thoại và tiếp tục xem điện thoại. Khoảng 10 phút sau, T nói với chị L đói bụng rồi hỏi chị L có đồ ăn không, thì chị L nói không có. Lúc này, T đưa điện thoại cho chị L rồi đi ra điều khiển xe mô tô chạy đến cửa hàng Winmart ở ngã ba đường L- mua 04 trái ổi rồi tiếp tục quay lại tiệm của chị L nói: “*Chị không mua được gì hết*”; đồng thời, T tiếp tục nói muốn kết bạn Zalo với chị L để liên lạc, T đọc số điện thoại để chị L kết bạn, nhưng không kết bạn được. Thấy vậy, T nói chị L, đưa điện thoại cho T thử lại, rồi T đưa ổi nói chị L đi rửa ổi ăn. Nghe vậy, chị L cầm ổi đi ra đường luồng bên hông nhà để rửa, thì T cầm điện thoại của chị L tắt nguồn và đi ra điều khiển xe mô tô chạy về nhà nghỉ Phụng Hồng, thuộc phường C, TP.P. Sau khi chị L rửa ổi xong đi vào không thấy T và điện thoại Iphone 12 Promax của mình đâu, chị L biết mình bị lừa nên đã đến Công an phường T trình báo sự việc. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, Công an phường T đã triệu T đến trụ sở làm việc. Tại đây, Nguyễn Thị T đã đầu thú thừa nhận việc chiếm đoạt chiếc điện thoại Iphone 12 Pro max dung lượng 128GB của chị L. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ của T: 01 xe mô tô biển số 70K1-170.34 và điện thoại Iphone 12 Pro max dung lượng 128GB.

Qua định giá, xác định chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro max dung lượng 128GB, vỏ màu xanh mua vào ngày 27-01-2023 với giá 16.000.000đồng. Giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 12.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

2. Các vấn đề khác:

Tại kết luận định giá tài sản số: 105/KL-HĐĐGTS ngày 13 tháng 6 năm 2023, xác định chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro max dung lượng 128GB, vỏ màu xanh mua vào ngày 27-01-2023 với giá 16.000.000đồng. Giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 12.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận nêu trên.

3. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số: 151/CT-VKS ngày 29-8-2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị T và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Bị cáo mức án từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro max dung lượng 128GB. Sau khi định giá, Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại điện thoại trên cho chị Đặng Nhật L là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 70K1 – 170.34, qua điều tra xác minh xác định chủ sở hữu là Phạm Thị Út (sinh năm 1957, trú tại T11, N, xã B, huyện D, tỉnh T). Quá trình điều tra, Nguyễn Thị T khai T mua lại của một cửa hàng mua bán xe cũ tại H, Thành phố H (không rõ địa chỉ cụ thể), nên Cơ quan điều tra chưa có căn cứ để xử lý. Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để điều tra, xác minh làm rõ để xử lý sau là phù hợp.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án:

Bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận vì việc làm của mình, kính mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc có khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Xét thấy lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội như sau:

Lợi dụng sự tin tưởng của chị Đặng Nhật L, vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 10/6/2023, tại tiệm Spa Nhật L ở 29 đường L, phường T, TP.P, Nguyễn Thị T đã đưa ra thông tin gian dối chiếm đoạt chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro max dung lượng 128GB, trị giá 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) của chị L. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, Công an phường T triệu tập T đến trụ sở làm việc. Tại đây, T đã đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của bị hại và gia đình họ”.

Quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi xâm phạm trái phép đều bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Thị T là người đã trưởng thành, có trình độ học vấn nhất định, lẽ ra bị cáo phải nhận thức hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội. Tuy nhiên, vì muốn có tiền tiêu xài bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của bị hại đã đưa ra nhiều thông tin gian dối để bị hại tin tưởng, nhằm chiếm đoạt chiếc điện thoại di động hiệu I phone 12 Pro max, dung lượng 128GB, trị giá 12.000.000đồng của bị hại. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản, xâm phạm trật tự trị an xã hội, đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nhằm giáo dục bị cáo cải tạo bản thân tiến bộ là cần thiết.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng về nhân thân của bị cáo, tại Bản án số 05/2016/HSST ngày 25/02/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh B xử phạt 06 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*” (theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động anh Trần Văn T1 bồi thường cho bị hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi quyết định hình phạt.

[4] Về vật chứng vụ án:

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro max dung lượng 128GB. Sau khi định giá, Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại điện thoại trên cho chị Đặng Nhật L là phù hợp.

[5] Về dân sự: Anh Trần Văn T1 - là người sống chung với T, đã tự nguyện bồi thường số tiền 3.000.000 đồng cho chị Đặng Nhật L, chị L không yêu cầu gì thêm và có đơn xin bãi nại cho bị cáo T. Tại phiên tòa hôm nay chị L vắng mặt, anh T1 không có yêu cầu gì về số tiền đã bồi thường. Do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về các vấn đề khác:

Đối với chiếc xe mô tô biển số 70K1 - 170.34, qua điều tra xác minh xác định chủ sở hữu là Phạm Thị Út (sinh năm 1957, trú tại T11, N, xã B, huyện D, tỉnh T). Quá trình điều tra, Nguyễn Thị T khai T mua lại của một cửa hàng mua bán xe cũ tại huyện H, Thành phố H (không rõ địa chỉ cụ thể), nên Cơ quan điều tra chưa có căn cứ để xử lý. Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để điều tra, xác minh làm rõ và để xử lý sau là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 10-6-2023.

3. Về án phí:

Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật tố Tụng hình sự năm 2015;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. Pleiku;
- Công an Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS Tp. Pleiku;
- Bị cáo, Người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nhàn

